

**chuyên đề**  
**giảng dạy ca dao- dân ca**  
**trong chương trình ngữ văn lớp 7**

**A- MỤC ĐÍCH CỦA ĐỀ TÀI**

Tìm hiểu về đặc trưng của ca dao- dân ca để từ đó định hướng phương pháp giảng dạy ca dao- dân ca nhằm cá thể hoá việc học, đưa học sinh trở thành nhân tố cá nhân tích cực, chủ động, tự giác tham gia vào việc tìm hiểu những văn bản ca dao- dân ca, khám phá chân lí và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

**B. NỘI DUNG**

**I- NHỮNG ĐIỀU GIÁO VIÊN CẦN NẮM VỮNG KHI GIẢNG DẠY CA DAO- DÂN CA**

**1. Khái niệm ca dao- dân ca**

Theo SGK Ngữ văn 7 tập 1 trang 35 đã nêu khái niệm về ca dao- dân ca như sau:

*- Ca dao- dân ca là tên gọi chung của các thể loại trữ tình dân gian kết hợp lời và nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người.*

- SGK cũng phân biệt hai khái niệm ca dao và dân ca

+ *Dân ca là những sáng tác dân gian kết hợp lời và nhạc.*

+ *Ca dao là lời thơ của dân ca.*

**2- Nhìn chung về các loại ca dao - dân ca**

Các thể loại văn học dân gian nói chung cũng như các thể loại ca dao - dân ca nói riêng đều là sản phẩm của lịch sử, gắn bó với đời sống của con người trong những thời gian và không gian nhất định. Do ca dao - dân ca có những đặc điểm tương đồng và khác biệt với nhau nên việc phân loại ca dao - dân ca cũng có những điểm chung, riêng tương ứng.

|                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>a, <u>Dân ca</u></b><br>_ (1) Đồng dao<br>(2) Dân ca lao động<br>(3) Dân ca nghi lễ<br>(4) Hát ru<br>(5) Dân ca trữ tình<br>(6) Dân ca trong kịch hát dân gian | <b>b, <u>Ca dao</u></b><br>(1) Ca dao trẻ em<br>(2) Ca dao lao động<br>(3) Ca dao nghi lễ phong tục<br>(4) Ca dao ru con<br>(5) Ca dao trữ tình<br>(6) Ca dao trào phúng |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Trong nhà trường THCS - THPT chủ yếu học sinh được học phần lời ca( tức là ca dao) nên chuyên đề này chủ yếu đề cập đến ca dao.

**4- Đặc trưng của ca dao- dân ca**

**4.1. Hệ đề tài**

Ca dao thiên về tình cảm và biểu hiện lòng người, phản ánh tâm tư, tình cảm, thế giới tâm hồn của con người. Thực tại khách quan được phản ánh thông qua tâm trạng con người, nó thể hiện vẻ đẹp trang trọng ngay trong đời thường con người.

#### 4.2. Chức năng

Là "*tấm gương của tâm hồn dân tộc*" là "*một trong những dòng chính của thơ ca trữ tình*" ( F. Hê ghen).

#### 4.3. Đặc điểm thi pháp

##### a, Ngôn ngữ trong ca dao

-Ngôn ngữ trong ca dao đậm đà màu sắc địa phương, giản dị, chân thực, hồn nhiên, gần gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân. Ví dụ như bài ca dao:

*Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát*  
*Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, bát ngát mênh mông".*

*Thân em như chẽn lúa đòng đòng*  
*Phát phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai*

( Trong đó ni= này; tê= kia: tiếng địa phương miền trung).

- Có nhiều bài ca dao được lan truyền nhanh chóng trở thành tiếng nói riêng của nhân nhiều địa phương khác nhau nhờ sự thay đổi địa danh là chủ yếu. Ví dụ:

*Đường vô xứ Huế quanh quanh*  
*Non xanh nước biếc như tranh họa đồ*  
*Ai vô xứ Huế thì vô ...*

##### b, Thể thơ trong ca dao

Ca dao là phần lời của dân ca, do đó các thể thơ trong ca dao cũng sinh ra từ dân ca. Các thể thơ trong ca dao cũng được dùng trong các loại văn vần dân gian khác (như tục ngữ, câu đối, vè ...). Có thể chia các thể thơ trong ca dao thành bốn loại chính là:

- Các thể văn
- Thể lục bát
- Thể song thất và song thất lục bát
- Thể hỗn hợp (hợp thể)

Trong SGK Ngữ văn 7 tập I các bài ca dao được đưa vào chủ yếu là thể lục bát (mỗi câu gồm hai dòng hay hai vế, dòng trên sáu âm tiết, dòng dưới tám âm tiết nên được gọi là "*thượng lục hạ bát*"). Đây cũng là thể thơ sở trường nhất của ca dao. Thể thơ này được phân thành hai loại là lục bát chính thể (hay chính thức) và lục bát biến thể (hay biến thức). ở lục bát chính thể, số âm tiết không thay đổi (6+8), vần gieo ở tiếng thứ sáu (thanh bằng), nhịp thơ phổ biến là nhịp chẵn (2/2/2 ...), cũng có thể nhịp thay đổi (3/3 và 4/4). ở lục bát biến thể, số tiếng (âm tiết) trong mỗi vế có thể tăng, giảm (thường dài hơn bình thường).

Ví dụ: *Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát*

*Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, bát ngát mênh mông.* (12 âm tiết).

c, Kết cấu của ca dao

**\*Thể cách của ca dao**

"Phú", "tỉ", "hứng" là ba thể cách của ca dao (cách phô diễn ý tình).

- "Phú" ở đây có nghĩa là phô bày, diễn tả một cách trực tiếp, không qua sự so sánh.

Ví dụ: *Cậu cai nón dẫu lông gà,*

*Ngón tay đeo nhẫn gọi là cậu cai.*

*Ba năm được một chuyển sai,*

*áo ngắn đi mượn, quần dài đi thuê.*

- "Tỉ" nghĩa là so sánh (bao gồm cả so sánh trực tiếp - tỉ dụ và so sánh gián tiếp - ẩn dụ). Ví dụ: *Thân em như trái bần trôi,*

*Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu?*

- "Hứng" là cảm hứng. Người xưa có câu "Đối cảnh sinh tình". Những bài ca dao trước nói đến "cảnh" (bao gồm cả cảnh vật, sự việc) sau mới bộc lộ "tình" (tình cảm, ý nghĩa, tâm sự) đều được coi là làm theo thể "hứng".

Ví dụ: *Ngó lên nuộc lạt mái nhà,*

*Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.*

**\* Phương thức thể hiện**

Những bài ca dao trong SGK Ngữ văn 7 chủ yếu có ba phương thức thể hiện đơn là:

- Phương thức đối đáp (đối thoại), chủ yếu là bộ phận lời ca được sáng tác và sử dụng trong hát đối đáp nam nữ, bao gồm cả đối thoại hai vế và một vế.

Ví dụ: Đối thoại hai vế: *- Ở đâu năm cửa nàng ơi*

*Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng?*

.....

- Phương thức trần thuật (hay kể chuyện trữ tình, khác với trần thuật trong các loại tự sự). Ví dụ: *Con cò chết rũ trên cây,*

*Cò con mở lịch xem ngày làm ma.*

*Cà cuống uống rượu la đà,*

*Chim ri riu rít bỏ ra lấy phần.*

*Chào mào thì đánh trống quân,*

*Chim chích cời trôn, vác mõ đi giao."*

- Phương thức miêu tả (miêu tả theo cảm hứng trữ tình, khác với miêu tả khách quan trong các thể loại tự sự).

Ví dụ: *Đường vô xứ Huế quanh quanh,*

*Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*

*Ai vô xứ Huế thì vô ...*

- Ngoài ra còn có cả ba phương thức kép là (trần thuật kết hợp với đối thoại; trần thuật kết hợp với miêu tả; kết hợp cả ba phương thức)

- Do nhu cầu truyền miệng và nhu cầu ứng tác, nhân dân thường sử dụng những khuôn, dạng có sẵn, tạo nên những đơn vị tác phẩm hoặc dị bản hao hao như nhau. Ví dụ: "*Thân em như*" ... ("*hạt mưa sa*", "*hạt mưa rào*", "*tắm lụa đào*", "*trái bần trôi*" ...)

d, Thời gian và không gian trong ca dao

#### \* **Thời gian:**

- Thời gian trong ca dao vừa là thời gian thực tại khách quan vừa là thời gian của tưởng tượng, hư cấu mang tính chất chủ quan của tác giả.

- Ca dao có rất nhiều câu mở đầu bằng hai tiếng "*chiều chiều*": "*Chiều chiều xách giỏ hái rau*", "*Chiều chiều ra đứng bờ sông*", "*Chiều chiều lại nhớ chiều chiều*" ... "*Chiều chiều*" có nghĩa là chiều nào cũng vậy, sự việc diễn ra lặp đi lặp lại.

- Ngoài ra thời gian trong ca dao còn sử dụng hàng loạt những trạng ngữ (hay cụm từ) chỉ thời gian như: "*bây giờ*"; "*tối qua*"; "*đêm qua*" ... thì ai cũng hiểu là người nói đang ở thời điểm hiện tại để nhớ lại và nhắc lại chuyện vừa xảy ra chưa lâu. Nhìn chung thời gian trong ca dao trữ tình là thời gian nghệ thuật mang tính tượng trưng, phiếm chỉ (hay phiếm định). Vì thế nó phù hợp với nhiều người, ở nhiều địa điểm và thời điểm khác nhau.

#### \* **Không gian**

- Không gian trong ca dao cũng vừa là không gian thực tại khách quan, vừa là không gian trong trí tưởng tượng mang tính chất tượng trưng của tác giả.

- Khi không gian thuộc về "*đối tượng phản ánh, miêu tả thì đó là không gian thực tại được tái hiện trong ca dao*". Ví dụ: xứ Huế, xứ Thanh, sông Lục Đầu, sông Thương ... và những nơi khác trong ca dao, nhất là ca dao về phong cảnh và sản vật các địa phương. Ví dụ:

*Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ  
Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơn.*

Cũng giống như thời gian, khi không gian được nói đến như một yếu tố góp phần tạo nên hoàn cảnh, trường hợp để tác giả bộc lộ cảm nghĩ (trực tiếp hoặc gián tiếp) thì đó là không gian mang tính chất tượng trưng do tác giả tưởng tượng, hư cấu hoặc tái tạo theo cảm xúc thẩm mỹ của mình. Ví dụ những hình ảnh về không gian, địa điểm mang tính chất tượng trưng, phiếm chỉ, thường xuyên xuất hiện trong ca dao trữ tình ( "*cánh đồng*", "*thác*", "*ghềnh*", "*bờ ao*", "*mái nhà*", "*ngõ sau*" ...). Ngay cả những địa điểm có thực khi vào ca dao trữ tình cũng mang tính chất tượng trưng.

d, Thủ pháp nghệ thuật chủ yếu

Những bài ca dao được đưa vào SGK Ngữ văn 7 có nhiều thủ pháp nghệ thuật khác nhau (mang nét đặc trưng của ca dao truyền thống). Ở đây chỉ đề cập đến những thủ pháp chủ yếu.

- So sánh là thủ pháp nghệ thuật được dùng thường xuyên, phổ biến nhất, bao gồm so sánh trực tiếp (tỉ dụ), so sánh gián tiếp (ẩn dụ). Tỉ dụ là so sánh trực tiếp, thường có những từ chỉ quan hệ so sánh: như, như là, như thể ... đặt giữa hai vế (đối tượng và phương tiện so sánh).

Ví dụ:

- *Đường vô xứ Huế quanh quanh  
Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ.  
- Thân em như chèn lúa đồng đồng  
Phát phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.  
- Yêu nhau như thể chân tay  
Anh em hoà thuận , hai thân vui vầy.  
- Công cha như núi ngất trời  
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông.*

- Còn ở ẩn dụ (so sánh ngầm) thì không những không có quan hệ từ so sánh mà đối tượng so sánh cũng được ẩn đi, chỉ còn một vế là phương tiện so sánh (ở đây đối tượng và phương tiện so sánh hoà nhập làm một). Do vậy mà hình thức ẩn dụ hàm súc hơn tỉ dụ.

Ví dụ bài ca dao sau là tập hợp bốn hình ảnh ẩn dụ, mỗi hình ảnh ám chỉ một cảnh ngộ đáng thương của người lao động:

*Thương thay thân phận con tằm,  
Kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ.  
Thương thay lũ kiến tí ti,  
Kiếm ăn được mấy phải đi tìm mồi.  
Thương thay hạc lánh đường mây,  
Chim bay mỗi cánh biết ngày nào thôi.  
Thương thay con cuốc giữa trời,  
Dầu kêu ra máu có người nào nghe.*

Đặc biệt ẩn dụ gắn rất chặt với nghệ thuật nhân hoá, dùng thế giới loài vật để nói thế giới loài người.

Ví dụ bài ca dao dưới đây mỗi con vật tượng trưng cho một loại người, hạng người trong xã hội xưa:

*Con cò chết rũ trên cây,  
Cò con mở lịch xem ngày làm ma.  
Cà cuống uống rượu la đà,  
Chim ri riu rít bò ra lấy phân.  
Chào mào thì đánh trống quân,  
Chim chích coi trần vác mỗ đi giao.*

- Biện pháp nghệ thuật đối xứng (đối ý, đối từ):

Ví dụ:

*Số cô chẳng giàu thì nghèo*

*Ngày ba mươi tết tết treo trong nhà.*

*Số cô .....*

- Nghệ thuật trùng điệp (bao gồm cả điệp ý, điệp từ).

Ví dụ: *Cái cò lặn lội bờ ao*

*Hỡi cô yếm đào lấy chú tôi chẳng.*

*Chú tôi hay.....*

- Nghệ thuật phóng đại được sử dụng hầu hết ở những bài ca dao dùng để châm biếm: Ví dụ:

*Cậu cai nón dẫu lông gà,*

*Ngón tay đeo nhẫn gọi là cậu cai.*

*Ba năm được một chuyến sai,*

*áo ngắn đi mượn, quần dài đi thuê.*

Ngoài ra còn có một số biện pháp khác nữa.

#### **4.4. Phương thức diễn xướng**

Phương thức diễn xướng gắn liền với các hình thức nghệ thuật của dân ca (hát ru, hát, hò đối đáp ...)

## **II- PHƯƠNG PHÁP DẠY CA DAO**

### **1. Giới thiệu bài**

Đây là khâu quan trọng giáo viên không nên bỏ qua. Trong giáo án , nên thể hiện cả dự kiến vào bài, khởi động tạo tình huống gây hứng thú học tập cho học sinh ngay từ phút đầu, có thể bằng câu hỏi tích hợp đọc.

Ví dụ khi dạy văn bản : **CA DAO - DÂN CA**

#### **NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH**

Có thể vào bài như sau:

Ngay từ khi cất tiếng khóc chào đời, được nằm trên chiếc nôi tre chúng ta đã được nghe tiếng ru ầu ơ của bà, của mẹ bằng những câu ca dao - dân ca, nó như dòng suối ngọt ngào, vỗ về, an ủi tâm hồn mỗi người. khúc hát tâm tình của quê hương đã thấm sâu vào trái tim mỗi người dân Việt Nam mà năm tháng có qua đi cũng không thể phai mờ.

**Hỏi:** Vậy bây giờ em nào có thể đọc cho cả lớp nghe một vài câu ca dao mà em thuộc hoặc đã được học ở tiểu học.

- Sau đó giáo viên có thể tiến hành hoạt động liên môn khi sử dụng các làn điệu dân ca để gây tình huống.

**Hỏi:** Trong môn Âm nhạc lớp 6 và lớp 7 các em đã được học một số làn điệu dân ca. Vậy một em hãy nêu rõ tên làn điệu dân ca đó. Nếu có thể em hát một vài câu cho các bạn nghe. (Đó là bài "*Đi cấy*" dân ca Thanh Hoá - lớp 6 và bài "*Lí cây đa*" dân ca quan họ Bắc Ninh - lớp 7).

**Chú ý:** Hoạt động liên môn phải hết sức thận trọng, đúng thời điểm với một liều lượng cho phép.

## **2. Phần dạy bài mới**

### **a, Đọc - chú thích**

#### **\* Đọc**

Là khâu khá quan trọng: phải đọc cho "*vang nhạc sáng hình*". Tác phẩm "*chỉ được bắt đầu mở ra cho bạn đọc khi nó vang lên trong tâm hồn như một sự độc thoại bên trong*" (**Marantxman**). Vì vậy ở thể loại trữ tình dân gian là ca dao phương pháp "**đọc sáng tạo**", và biện pháp "**đọc diễn cảm**" có một vị trí đặc biệt quan trọng gần như chủ công. Đối với ca dao giáo viên nên cho học sinh đọc được từ mức thấp nhất cho đến mức cao.

- Mức thấp nhất là đọc đúng, tròn vành, rõ chữ, đúng chính âm, chính tả.
- Mức cao hơn là đọc diễn cảm, đọc diễn tả cảm xúc.
- Mức cao nhất của đọc là đọc nghệ thuật (**đọc hay**). Đọc diễn cảm phải vươn tới tiệm cận với đọc nghệ thuật. Nhưng trong giờ dạy ca dao - dân ca thì đọc nghệ thuật không bao giờ thay thế cho đọc diễn cảm. Nếu có sử dụng đọc nghệ thuật (ngâm thơ, hát ru ...) chỉ với một liều lượng cho phép.
- Đối với trình độ học sinh lớp 7 giáo viên chú ý rèn cho các em kỹ năng đọc diễn cảm. Thông qua việc đọc còn biết được trình độ học sinh.
- Trong chương trình SGK Ngữ văn 7 những người biên soạn sách đã xác định rõ "*thể*" và chia nhóm của các bài ca dao vừa giúp giáo viên và học sinh xác định được trọng tâm của bài vừa thuận tiện cho việc xác định cách đọc. Tuy nhiên những bài ca dao ở cùng một đề tài thì tình cảm được thể hiện ở mỗi bài không hoàn toàn giống nhau chính vì vậy cần phải xác định được điều này để hướng dẫn học sinh đọc cho đúng giọng.

#### **\* Chú thích**

Chỉ giảng những chú thích sao, những chú thích liên quan đến nội dung cơ bản của văn bản. Những chú thích khác giáo viên tìm cách kiểm tra học sinh trong quá trình tìm hiểu, phân tích văn bản.

### **b, Phần phân tích**

#### **b.1. Xây dựng hệ thống câu hỏi theo đặc trưng thể loại**

Vì ca dao thuộc thể loại trữ tình dân gian cho nên trong quá trình phân tích giáo viên cần tăng cường câu hỏi cảm xúc, hình dung tưởng tượng và các câu hỏi về chi tiết nghệ thuật. Tạo điều kiện cho các em chóng thuộc và tiếp nhận những cách thể hiện độc đáo của ca dao.

#### **+ Hệ thống câu hỏi cảm xúc**

Là hệ thống câu hỏi tìm ra phản ứng trực giác của người đọc bị tác động bởi nội dung và hình thức của tác phẩm ở mức độ ấn tượng ban đầu. Nó đi sâu vào cảm xúc thẩm mĩ. Trả lời hệ thống câu hỏi này, người đọc xác định được cảm xúc của mình khi đọc xong tác phẩm, thể hiện ấn tượng ban đầu của mình trước hình thức nghệ thuật hay nội dung trực tiếp có tính chất vật chất của tác phẩm. Cần quan tâm đến thể loại và lứa tuổi để có những câu hỏi vừa sức và không bị "nhàm sáo", luôn luôn bám sát văn bản.

(1). Câu hỏi cảm xúc vật chất

Loại câu hỏi này thường được sử dụng trong các văn bản thuộc thể loại tự sự.

(2). Câu hỏi cảm xúc nghệ thuật

Là loại câu hỏi hướng về những rung động ban đầu của học sinh bởi tác động của những hình thức nghệ thuật của tác phẩm, ngữ điệu nhạc tính trong thơ.

Ví dụ:

: **Hỏi:** Kết cấu câu tám "Bao nhiêu nước lạt nhớ ông bà bấy nhiêu" có gì đáng chú ý?

**Học sinh:** Có kết cấu "Bao nhiêu ... bấy nhiêu" là cách nói tăng cấp thường gặp trong ca dao.

**Hỏi:** Qua nhạc điệu, vần điệu của bài ca "Công cha như núi ngất trời" đã để lại cho em cảm giác gì?

**Học sinh:** Bài ca mang âm điệu ngọt ngào, du dương làm cho em cảm thấy lời nhắc nhở nhẹ nhàng mà sâu lắng.

**Hỏi:** Hình thức thể loại của bài ca "ở đâu năm cửa nàng ơi" có gì đặc biệt?

**Học sinh:** Đây là thể loại đối đáp thường gặp trong ca dao trữ tình giao duyên cổ truyền Việt Nam.

**Hỏi:** Các điệp ngữ, đảo ngữ : Đứng bên ni đồng, đứng bên tê đồng, mênh mông bát ngát, bát ngát mênh mông gợi cho người đọc, người nghe cảm giác và ấn tượng gì?

**Học sinh:** Gợi cho chúng ta như đang đứng trước một cánh đồng rộng, nhìn hút tầm mắt, từ bên nào nhìn ra đều thấy sự rộng lớn của cánh đồng lúa đang thì con gái.

**+ Hệ thống câu hỏi hình dung tưởng tượng**

Hệ thống câu hỏi này thiên về sự hình dung của người đọc. Những câu hỏi giúp học sinh xác nhận sự hình dung của mình dưới tác động của hình tượng văn học. Hệ thống này gồm hai loại tái hiện và tái tạo.

(1). Hệ thống câu hỏi hình dung tưởng tượng tái hiện

Hệ thống câu hỏi này đòi hỏi thầy và trò tự xác định bức tranh nghệ thuật trong tâm hồn mình khi đọc văn bản hoặc kêu gọi trí tưởng tượng trong và sau khi đọc.

Ví dụ: Khi dạy đến bài ca "Chiều chiều ra đứng ngõ sau" giáo viên có thể đặt câu hỏi.

**Hỏi:** Em hình dung như thế nào về bóng dáng người phụ nữ trong bài ca này? Hãy tả cho các bạn nghe.

Học sinh có thể trả lời theo sự tưởng tượng của cá nhân mình: Đó là bóng dáng người phụ nữ cô đơn, đứng nơi ngõ sau trong buổi chiều hưu quạnh, đứng như tạc tượng vào không gian, cặp mắt đăm đăm ngóng trông về quê mẹ.

**Chú ý:** Những hình tượng có nội dung phong phú, có màu sắc xúc cảm là chỗ dựa tốt để nắm vững bài học ... Vai trò của giáo viên trong việc giáo dục năng lượng tưởng tượng của học sinh là rất quan trọng, khéo léo dùng các biện pháp và phương pháp kích thích học sinh tạo nên các hình ảnh của những cái chưa bao giờ thấy "tránh chủ quan và bịa đặt".

## (2). Hệ thống câu hỏi hình dung tưởng tượng tái tạo

Loại câu hỏi này đi vào những bức tranh nghệ thuật bộ phận, sắc sảo, tinh tế, có tính chất phát hiện sáng tạo. Trả lời được những câu gợi ý, những câu hỏi đó, minh hoạ được, tả lại được những cảnh tượng thể hiện sự rung động trong cảm thụ của người đọc và phản ánh ngay cái yếu, cái mạnh của trò có thể điều chỉnh hoặc để cho các em nhận xét về nhau cũng có thể bồi dưỡng được.

Ví dụ: em hình dung như thế nào về cảnh tượng đám ma con cò trong bài ca dao "*Con cò chết rũ trên cây*"? Hãy kể lại cho các bạn nghe.

## c. Hệ thống câu hỏi phát hiện thủ pháp nghệ thuật

Những bài ca dao được đưa vào SGK Ngữ văn 7 có nhiều thủ pháp nghệ thuật khác nhau mang nét đặc trưng của ca dao truyền thống. Đó là các thủ pháp nghệ thuật như : so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, phóng đại ... (đã trình bày ở phần trên "**Đặc điểm thi pháp nghệ thuật**") giáo viên cần sử dụng những câu hỏi để học sinh để học sinh phát hiện được những thủ pháp nghệ thuật quen thuộc trong ca dao.

- Ngoài ra, cũng như dạy các văn bản thuộc thể loại trữ tình giáo viên cần sử dụng những câu hỏi bình nhưng chú ý phải có câu hỏi đi từ phân tích, giảng giải, nắm được nghĩa lí của kết cấu, hình tượng từ ngữ rồi mới đến câu hỏi bình.

## b.2. Tìm những câu ca dao tương tự

Tư liệu về một bài ca dao khi thì cùng về một đề tài, khi thì gần nhau ở cách diễn đạt, chúng nằm trong hệ những bài ca. Phải đặt được bài ca dao vào hệ thống, hệ đề tài của nó mới dễ xác định được môi sinh và từ đó mới có thể tạo tình huống cho giờ phân tích loại bài ca đặc biệt này.

Ví dụ: Khi dạy bài ca dao "*Công cha như núi ngất trời*" giáo viên nên yêu cầu học sinh tìm những bài, những câu ca dao có nội dung tương tự. Đó là bài:

*Công cha như núi Thái Sơn  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.  
Một lòng thờ mẹ kính cha  
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

- Những bài ca có nội dung tương tự như bài "*Chiều chiều ra đứng ngõ sau*" như:

- Chiều chiều xách giỏ hái rau  
Ngó lên má mẹ ruột đau chín chiều.  
- Chiều chiều ra đứng bờ sông  
Muốn về quê mẹ mà không có đò.  
- Vẳng nghe chim vịt kêu chiều  
Buâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau.

*c, Phân phân tích*

Phần tổng kết nội dung và nghệ thuật giáo viên nên sử dụng những câu hỏi để học sinh tự khái quát lại nội dung và tổng hợp các biện pháp nghệ thuật mà tác giả dân gian đã sử dụng trong bài ca. Hoặc có thể sử dụng dạng bài tập trắc nghiệm để kiểm tra mức độ hiểu bài của học sinh.

*d, Phân luyện tập*

Đa số các bài tập phân luyện tập đều hỏi về nội dung và nghệ thuật của những bài ca dao cùng đề tài nên giáo viên có thể kết hợp trong quá trình phân tích và phần tổng kết (trường hợp bài dài thì giao bài tập phân luyện tập cho học sinh về nhà làm).